

Bản án số: 57/2019/DS-ST

Ngày 04-12-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Lệ Hoa

2. Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Phạm Lan Chi là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2019/TLST – DS, ngày 11 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST- ST ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T (có mặt)

- Bị đơn: 1. Ông Ngô Minh Đ (có mặt)

2. Bà Trịnh Thị Th (Ngọc Th, vợ ông Đ vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Lý Thị Hồng L (vợ ông T, có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn T, Thới Bình, Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 17/4/2016 âm lịch (ngày 23/5/2016 dương lịch), vợ chồng ông T, bà L có cho vợ chồng ông Đ, bà Th vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/tháng/10.000.000 đồng (10%/tháng). Từ khi vay vợ chồng ông Đ thanh toán

đủ tiền lãi cho vợ chồng ông T đến ngày 23/5/2018 âm lịch. Cùng ngày 23/5/2018 al, ông Đ thanh toán cho ông T số tiền vốn 4.000.000 đồng và số tiền lãi 1.000.000 đồng. Từ ngày 23/5/2018 đến ngày 27/9/2018 (ngày 18/8/2018 âm lịch) ông Đ không trả lãi đúng như thỏa thuận và tự nguyện viết biên nhận chốt nợ lại với vợ chồng ông T với số tiền còn nợ là 8.780.000 đồng, trong đó tiền vốn là 6.000.000 đồng, tiền lãi 2.780.000 đồng. Sau ngày 27/9/2018 ông Đ có thanh toán cho ông thêm số tiền lãi 1.000.000 đồng và không thanh toán vốn và lãi cho đến nay.

Ông T yêu cầu ông Đ và bà Th(Th) thanh toán cho ông số tiền còn nợ là 7.780.000 đồng và lãi suất từ ngày 27/9/2018 (dương lịch) đến nay với số tiền là 6.220.000 đồng (lãi 10%/tháng).

Tại biên bản hòa giải ngày 30 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Ngô Minh Đ trình bày:

Ngày 17/4/2016 âm lịch, ông có làm biên nhận vay của ông T, bà L số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, ông đã thanh toán lãi đầy đủ đến ngày 17/10/2017 âm lịch. Từ ngày 17/11/2017 âm lịch đến ngày 17/5/2018 âm lịch, lãi suất tăng lên 12%/tháng, ông đã thanh toán lãi đầy đủ, còn nợ lại 01 tháng lãi với số tiền 1.000.000 đồng nhập thành vốn.

Đến ngày 23/5/2018 âm lịch, ông thanh toán cho vợ chồng ông T số tiền vốn 5.000.000 đồng, còn nợ lại 6.000.000 đồng.

Ngày 23/8/2018 âm lịch, ông thanh toán cho vợ chồng ông T số tiền vốn 3.000.000 đồng, còn nợ lại tiền lãi 2.160.000 đồng (tiền lãi 03 tháng từ ngày 23/5/2018 âm lịch đến ngày 23/8/2018 âm lịch x 12%/tháng x 6.000.000 đồng).

Ngày 23/8/2018 âm lịch đến ngày 23/11/2018 âm lịch, ông thanh toán cho vợ chồng ông T 3.000.000 đồng tiền vốn còn lại, còn nợ lại tiền lãi 1.080.000 đồng (tiền lãi 03 tháng từ ngày 23/8/2018 âm lịch đến ngày 23/11/2018 âm lịch x 12%/tháng x 3.000.000 đồng),

Các lần trả nợ cho ông T vào các ngày nói trên ông T không có làm biên nhận nhận tiền của ông.

Như vậy ông còn nợ tiền lãi là 3.240.000 đồng. Đến ngày 27/11/2018 âm lịch ông trả cho ông T số tiền 700.000 đồng, ngày 30/12/2018 âm lịch ông trả cho bà L số tiền 1.000.000 đồng. Ông còn nợ lại tiền lãi 1.540.000 đồng.

Ngày 27/9/2018, ông Đ có làm biên nhận còn nợ ông T số tiền 8.780.000 đồng, trong đó tiền vốn là 6.000.000 đồng, lãi suất 2.780.000 đồng.

Ông T yêu cầu ông thanh toán số tiền vốn 7.780.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/9/2018 đến nay với số tiền 6.220.000 đồng ông không đồng ý.

Bà Lý Thị Hồng L trình bày:

Bà thống nhất theo trình bày của ông T, bà không có ý kiến bổ sung.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cho bà Th (Th) nhưng bà không có ý kiến.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T về việc yêu cầu ông Đ thanh toán nợ vay. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và chi phí tố tụng, ông Minh, bà Mươi phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc tranh chấp giữa các đương sự nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Bà Th (Th) được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm nhưng bà vắng mặt không có lý do căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đương sự này.

Ông T khởi kiện ông Đ và bà Th (Th) để yêu cầu trả lại cho ông số tiền vay. Vì vậy quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Về nội dung tranh chấp:

[1] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Giao dịch vay tiền giữa ông T, bà L và ông Đ là thực tế có xảy ra, được các bên thừa nhận. Đối với số tiền 5.000.000 đồng ông Đ thanh toán cho ông T và bà L vào ngày 23/5/2018 (âm lịch) ông T, bà L cho rằng có 1.000.000 đồng tiền lãi là không chính xác vì ông T, bà L thừa nhận từ ngày vay 17/4/2016 (âm lịch) đến ngày 23/5/2018 (âm lịch) ông Đ thanh toán tiền lãi đầy đủ cho vợ chồng ông bà nên số tiền 1.000.000 đồng nói trên là số tiền vốn. Như vậy, quá trình vay ông Đ đã thanh toán cho ông T, bà L được 5.000.000 đồng tiền vốn.

Về tiền lãi ông T bà L thừa nhận ông Đ thanh toán đủ từ ngày 17/4/2016 (âm lịch) đến ngày 23/5/2018 (âm lịch) là 25 tháng 06 ngày bằng số tiền 25.200.000 đồng (lãi 10%). Sau ngày 27.9/2018 (ngày 18/8/2018 âm lịch) ông Đ thanh toán cho ông T, bà L thêm 1.000.000 đồng tiền lãi. Như vậy tổng tiền lãi ông Đ thanh toán cho ông T là 26.200.000 đồng.

[2] Ông Đ thanh toán tiền vốn cho ông T, bà L còn nợ 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền lãi ông Đ thanh toán cho ông T vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, tương ứng với mức 150% lãi suất cơ bản là 13,5%/năm). Theo quyết định trên thì thời gian 25 tháng 06 ngày ông Đ chỉ trả cho ông T số tiền lãi là 2.835.000 đồng (10.000.000 đồng x 1.125%/tháng x 25 tháng 06 ngày) nhưng ông đã trả lãi số tiền là 26.200.000 đồng, số tiền lãi vượt là 23.365.000 đồng (26.200.000 đồng – 2.835.000 đồng). Theo Điều 9 nghị quyết số 01/2019/HĐ – TP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông T. Số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc là 18.365.000 đồng (số tiền lãi 23.365.000 đồng – 5.000.000 đồng tiền vốn) do ông Đ không yêu cầu ông T trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Trịnh Thị Th (Ngọc Th).

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 01/2019/HĐ – TP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông Đ, bà Th (Th) thanh toán số tiền nợ là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

Ông Đ không yêu cầu ông T trả lại số tiền lãi ông đã trả vượt cho ông T nên không xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông T phải chịu số tiền 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng). Ngày 10-4-2019 ông T nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006074 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ ông T nộp tiếp là 400.000 (bốn trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông T, ông Đ, bà L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Th (Th) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKS huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn